



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

նա
na

դու
tu

ես
es

մենք
menk'

այն
ayn

նա
na

ինչ
inch'

նրանք
nrank'

դուք
tuk'

ինչու
inch'u

որտեղ
ordegh

ով
ov

երբ
erp

որը
orë

ինչպես
inch'bes

իսկապես
isgabes

եթե
et'e

ապա
aba

ոչ
och'

որովհետև
orovhedev

բայց
payts'

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

բոլոր
polor

այդ
ayt

այս
ays

այստեղ
aysdegh

և
ev

կամ
gam

աջ
ach

ծախ
tsakh

այնտեղ
ayndegh

առավոտ
aṙavod

կեսօրից հետո
gesōrits' hedo

հիմա
hima

երեկ
erego

վաղ առավոտ
vagher aṙavod

գիշեր
kisher

ժամ
zham

կեսգիշեր
geskisher

կեսօր
gesōr

օր
ōr

վայրկյան
vayrgyan

րոպե
robe

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

տարի
dari

ամիս
amis

շաբաթ
shapat[՝]

վաղը
vaghě

այսօր
aysōr

երեկ
ereg

չորեքշաբթի
ch[՝]orek[՝]shapt[՝]i

երեքշաբթի
erek[՝]shapt[՝]i

երկուշաբթի
ergushapt[՝]i

շաբաթ
shapat[՝]

ուրբաթ
urpat[՝]

հինգշաբթի
hinkshapt[՝]i

մարդ
mart

կին
gin

կիրակի
giragi

զուգընկերուհի
zukēngeruhi

զուգընկեր
zukēnger

սեր
ser

սեքս
sek[՝]s

համբույր
hampuyr

ընկեր
ēnger

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

տղա
dgha

աղչիկ
aghchig

երեխա
erekha

մայրիկ
mayrig

պապ
bab

մամ
mam

որդի
orti

ծնողներ
dznoghner

հայրիկ
hayrig

փոքր եղբայր
p'ok'r eghpayr

փոքր քույր
p'ok'r k'uyr

դուստր
tusdr

ամուսին
amusin

մեծ եղբայր
medz eghpayr

մեծ քույր
medz k'uyr

միշտ
mishd

ամեն
amen

կին
gin

արդեն
arten

նորից
norits'

իրականում
iraganum

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

ավելի շատ
aveli shad

ամենաշատ
amenashad

պակաս
bagas

դրսում
trsum

շատ
shad

ոչինչ
och'inch'

մոտ
mod

հեռու
heru

ներսում
nersum

կողքին
goghk'in

վերևում
verevum

ստորև
sdorev

բոլորը
polorë

հետև
hedev

առջև
ar'chev

գարուն
karun

այլ
ayl

միասին
miasin

ծմեռ
tsmer

աշուն
ashun

ամառ
amar

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

մարտ
mard

փետրվար
p'edrvār

հունվար
hunvār

հունիս
hunis

մայիս
mayis

ապրիլ
abril

սեպտեմբեր
sebdemper

օգոստոս
ōkosdos

հոկիս
hulis

դեկտեմբեր
tegdemper

նոյեմբեր
noyemper

հոկտեմբեր
hogdemper

հարավ
harav

արևելք
arevelk'

հյուսիս
hyusis

անմիջապես
anmichabes

հաճախ
hajakh

արևմուտք
arevmudk'

թեև
t'eev

հանկարծակի
hangardzagi

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

երկու
ergu

մեկ
meg

զրո
zro

հինգ
hink

չորս
ch'ors

երեք
erek'

ուր
ut'

յոթ
yot'

վեց
vets'

տասնմեկ
dasnmeg

տաս
das

ինը
ině

տասնչորս
dasnch'ors

տասներեք
dasnerek'

տասներկու
dasnergu

տասնյոթ
dasnyot'

տասնվեց
dasnvets'

տասնհինգ
dasnhink

քսան
k'san

տասնինը
dasnině

տասնուր
dasnut'

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

քանվեց
k'sanvets'

քաներկու
k'sanergu

քանմեկ
k'sanmeg

երեսներեք
eresunerek'

երեսումեկ
eresunmeg

երեսուն
eresun

քառասումեկ
k'arasunmeg

քառասուն
k'arasun

երեսուկոթ
eresunyot'

հիսուն
hisun

քառասուկոթ
k'arasunut'

քառասուկոթս
k'arasunch'ors

հիսունինը
hisuninē

հիսունհինգ
hisunhink

հիսումեկ
hisunmeg

վաթսուներկու
vat'sunergu

վաթսումեկ
vat'sunmeg

վաթսուն
vat'sun

յոթանասումեկ
yot'anasunmeg

յոթանասուն
yot'anasun

վաթսուվեց
vat'sunvets'

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

ութսուն
ut'sun

յոթանասունյոթ
yot'anasunyot'

յոթանասուներեք
yot'anasunerek'

ութսունութ
ut'sunut'

ութսունչորս
ut'sunch'ors

ութսունմեկ
ut'sunmeg

իննսունհինգ
innsunhink

իննսունմեկ
innsunmeg

իննսուն
innsun

հարյուր մեկ
haryur meg

հարյուր
haryur

իննսունինը
innsuninē

հարյուր հիսունմեկ
haryur hisunmeg

հարյուր տասը
haryur dasē

հարյուր հինգ
haryur hink

երկու հարյուր վեց
ergu haryur vets'

երկու հարյուր երկու
ergu haryur ergu

երկու հարյուր
ergu haryur

երեք հարյուր
erek' haryur

երկու հարյուր
վաթսուներկու
ergu haryur vat'sunergu

երկու հարյուր քսան
ergu haryur k'san

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

երեք հարյուր երեսուն
erek' haryur eresun

երեք հարյուր յոթ
erek' haryur yot'

երեք հարյուր երեք
erek' haryur erek'

չորս հարյուր չորս
ch'ors haryur ch'ors

չորս հարյուր
ch'ors haryur

երեք հարյուր յոթանասուներեք
erek' haryur yot'anasunerek'

չորս հարյուր
ութսունչորս
ch'ors haryur ut'sunch'ors

չորս հարյուր քառասուն
ch'ors haryur k'arasun

չորս հարյուր ութ
ch'ors haryur ut'

հինգ հարյուր ինը
hink haryur ine

հինգ հարյուր հինգ
hink haryur hink

հինգ հարյուր
hink haryur

վեց հարյուր
vets' haryur

հինգ հարյուր
իննսունհինգ
hink haryur innsunhink

հինգ հարյուր հիսուն
hink haryur hisun

վեց հարյուր տասնվեց
vets' haryur dasnvets'

վեց հարյուր վեց
vets' haryur vets'

վեց հարյուր մեկ
vets' haryur meg

յոթ հարյուր երկու
yot' haryur ergu

յոթ հարյուր
yot' haryur

վեց հարյուր վաթսուն
vets' haryur vat'sun

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

յոթ հարյուր յոթանասուն yot' haryur yot'anasun	յոթ հարյուր քսանյոթ yot' haryur k'sanyot'	յոթ հարյուր յոթ yot' haryur yot'
ութ հարյուր ութ ut' haryur ut'	ութ հարյուր երեք ut' haryur erek'	ութ հարյուր ut' haryur
ինը հարյուր ině haryur	ութ հարյուր ութսուն ut' haryur ut'sun	ութ հարյուր երեսունութ ut' haryur eresunut'
ինը հարյուր քառասունինը ině haryur k'arasuninė	ինը հարյուր ինը ině haryur ině	ինը հարյուր չորս ině haryur ch'ors
հազար մեկ hazar meg	հազար hazar	ինը հարյուր ինսուն ině haryur innsun
երկու հազար ergu hazar	հազար երկու հարյուր երեսունչորս hazar ergu haryur eresunch'ors	հազար տասներկու hazar dasnergu
երկու հազար երեք հարյուր քառասունհինգ ergu hazar erek' haryur k'arasunhink	երկու հազար քսաներեք ergu hazar k'sanerek'	երկու հազար երկու ergu hazar ergu

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

չորս հազար
ch'ors hazar

երեք հազար երեք
erek' hazar erek'

երեք հազար
erek' hazar

հինգ հազար վեց հարյուր
յոթանասունութ
hink hazar vets' haryur yot'anasunut'

հինգ հազար
hink hazar

չորս հազար
քառասունհինգ
ch'ors hazar k'arasunhink

յոթ հազար ութ հարյուր
իննսուն
yot' hazar ut' haryur innsun

յոթ հազար
yot' hazar

վեց հազար
vets' hazar

ինը հազար
ině hazar

ութ հազար ինը հարյուր
մեկ
ut' hazar ině haryur meg

ութ հազար
ut' hazar

տաս հազար մեկ
das hazar meg

տաս հազար
das hazar

ինը հազար իննսուն
ině hazar innsun

քառասունչորս հազար
k'arasunch'ors hazar

երեսուն հազար երեք
հարյուր
eresun hazar erek' haryur

քսան հազար քսան
k'san hazar k'san

մեկ միլիոն
meg million

հինգ հարյուր հազար
hink haryur hazar

հարյուր հազար
haryur hazar

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

յոթանասուն միլիոն
yot'anasun milion

տաս միլիոն
das milion

վեց միլիոն
vets' milion

մեկ միլիարդ
meg miliart

ութ հարյուր միլիոն
ut' haryur milion

հարյուր միլիոն
haryur milion

քսան միլիարդ
k'san miliart

տաս միլիարդ
das miliart

ինը միլիարդ
ině miliart

մեկ տրիլիոն
meg drilion

երեք հարյուր միլիարդ
erek' haryur miliart

հարյուր միլիարդ
haryur miliart

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

գալ
kal

մտածել
mdadzel

իմանալ
imanal

գտնել
kdnel

վերցնել
verts'nel

դնել
tnel

խոսել
khsel

աշխատել
ashkhadel

լսել
lsel

օգնել
ōknel

հավանել
havanel

տալ
dal

սպասել
sbaseł

զանգել
zankel

սիրել
sireł

փակել
p'agel

նստել
nsdel

կանգնել
ganknel

հաղթել
haght'el

պարտվել
bardvel

բացել
pats'el

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

միացնել
miats'nel

ապրել
abrel

մահանալ
mahanal

վնասել
vnasel

սպանել
sbanel

անջատել
anchadel

խմել
khmel

դիտել
tidel

դիպչել
tibch'el

հանդիպել
hantibel

քայլել
k'ayel

ուտել
udel

հետևել
hedevel

համբուրել
hampurel

խաղադրույք կատարել
khaghatruyk' gadarel

հարցնել
harts'nel

պատասխանել
badaskhanel

ամուսնանալ
amusnanal

սեղմել
seghmel

հրել
hrel

քաշել
k'ashel

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

կռվել
grvel

բռնել
prnel

հարվածել
harvadzel

կարդալ
gartal

վազել
vazel

նետել
nedel

հաշվել
hashvel

ուղղել
ughghel

գրել
krel

գնել
knel

վաճառել
vajařel

կտրել
gdrel

երազել
erazel

սովորել
sovorel

վճարել
vjarel

տոնել
donel

խաղալ
khaghal

քնել
k'nel

կրակել
gragel

մաքրել
mak'rel

վայելել
vayeel

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

գողանալ
koghanał

հարձակվել
hartsagvel

պաշտպանել
bashdbanel

թռչել
t'rch'el

փրկել
p'rgel

այրել
ayrel

կծել
gdzel

ոտքով հարվածել
odk'ov harvadzel

թքել
t'k'el

լացել
lats'el

հոտոտել
hododel

շնչել
shnch'el

ծիծաղել
dzidzaghel

ժպտալ
zhbdal

երգել
erkeł

վիճել
vijel

փոքրացնել
p'ok'rats'nel

աճել
ajel

թաքնվել
t'ak'nvel

կերակրել
geragrel

կիսել
gisel

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

ցատկել
ts'adgel

լողալ
loghal

զգուշացնել
zkushats'nel

առաքել
arakh'el

փորել
p'orel

բարձրացնել
partsrats'nel

ճամփորդել
jamp'ortel

պարապել
barabel

փնտրել
p'ndrel

կողպել
goghbel

բացել
pats'el

նկարել
ngarel

պատրաստել
badrasdel

աղոթել
aghot'el

լվանալ
lvanal

մեքբերել
mechperel

գոռալ
korah

փսխել
p'skhel

վաստակել
vasdagel

հաշվարկել
hashvargel

տպել
dbel

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

քիչ
k'ich'

հին
hin

նոր
nor

ճիշտ
jishd

սխալ
skhal

շատ
shad

ուրախ
urakh

լավ
lav

վատ
vad

փոքր
p'ok'r

երկար
ergar

կարճ
garj

երիտասարդ
eridasart

գեղեցիկ
keghets'ig

մեծ
medz

սև
sev

սպիտակ
sbidag

ծեղ
dzer

կանաչ
ganach'

կապույտ
gabuyd

կարմիր
garmir

màu vàng

chậm

nhANH

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

արագ
arak

դանդաղ
tantagh

դեղին
teghin

արդար
artar

անարդար
anartar

զվարճալի
zvarjali

հարուստ
harusd

հեշտ
heshd

դժվար
tzhvar

թույլ
t'uyi

ուժեղ
uzhegh

աղքատ
aghk'ad

հպարտ
hbard

հոգնած
hoknadz

ապահով
abahov

առողջ
aroghch

հիվանդ
hivant

կուշտ
gushd

բարձր
partsr

ցածր
ts'adzr

զայրացած
zayrats'adz

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

փափուկ
p'ap'ug

թթու
t't'u

քաղցր
k'aghts'r

հիմար
himar

պուպուշ
bubush

կարծր
gardzr

բարձրահասակ
partsrahasag

զբաղված
zpaghvadz

խենթ
khent'

զարմացած
zarmats'adz

անհանգիստ
anhankisd

կարճահասակ
garjahasag

խելացի
khelats'i

չար
ch'ar

բարեկիրթ
paregirt'

նարնջագույն
narnchakuyn

շոգ
shok

ցուրտ
ts'urd

վարդագույն
vartakuyn

շագանակագույն
shakanagakuyun

մոխրագույն
mokhrakuyn

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

թեթև
t'et'ev

ծանր
dzanr

ծանծրալի
tsantsrali

ծարավ
dzarav

սոված
sovadz

միայնակ
miaynag

հարթ
hart'

զառիթափ
zarit'ap'

տխուր
dkhur

խոր
khor

լայն
layn

նեղ
negh

կեղտոտ
geghdod

հսկայական
hsgayagan

ծանծաղուտ
dzandzaghud

դատարկ
tadarg

լիքը
lik'ë

մաքուր
mak'ur

սեքսուալ
sek'sual

էժան
ëzhan

թանկ
t'ang

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

առատաձեռն
aradatsern

քաջ
k'ach

ծույլ
dzuyi

բարձրաձայն
partsratsayn

չոր
ch'or

թաց
t'ats'

անձրևոտ
antsrevod

արևոտ
arevod

հանգիստ
hankisd

ամպամած
ambamadz

մառախլապատ
marakhlabad

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

վազք
vazk'

թենիս
t'enis

մարմնամարզություն
marmnamarzut'yun

ֆուտբոլ
fudpol

գոլֆ
kolf

հեծանվավազք
hedzanvavazk'

դայվինգ
tayvink

լող
logh

բասկետբոլ
pasgedpol

եռամարտ
eramard

մարաթոնյան վազք
marat'onyan vazk'

քայլարշավ
k'aylarshav

բռնցքամարտ
prnts'k'amard

ծանրամարտ
dzanramard

սեղանի թենիս
seghani t'enis

սնուոբորդինգ
snouportink

գեղասահք
keghasahk'

բադմինտոն
patmindon

հոկեյ
hogeý

դահուկավազք
tahugavazk'

դահուկային սպորտ
tahugayin sbord

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

լողափնյա վոլեյբոլ
loghap'nya voleypol

հանդբոլ
hantpol

վոլեյբոլ
voleypol

բեյսբոլ
peyspol

կրիկետ
griged

ռեգբի
rekpi

ջրացատկ
chrats'adg

ջրագնդակ
chrakntag

Ամերիկյան ֆուտբոլ
Amerigyan fudpol

թիավարություն
t'iavarut'yun

առագաստանավային սպորտ
arakasdanavayin sbord

սերֆինգ
serfink

պարաշյուտային սպորտ
barashyudayin sbord

պար
bar

յոգա
yoka

բոուլինգ
poulink

պոկեր
bogor

շախմատ
shakhmad

բալետ
paled

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

ծի
tsi

կով
gov

խոզ
khoz

կապիկ
gabig

ոչխար
och'khar

շուն
shun

հավ
hav

արջ
arch

կատու
gadu

մեղու
meghu

թիթեռ
t'it'er

բաղ
pat

օձ
ōts

սարդ
sart

ծուկ
tsug

նապաստակ
nabasdag

մուկ
mug

վագր
vakr

փիղ
p'igh

ավանակ
avanag

առյուծ
aryudz

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

մոծակ
modzag

փայտոջիլ
p'aydochil

աղավնի
aghavni

կետ
ged

մրջյուն
mrchyun

ճանճ
janj

խիտունջ
khkhunch

դելֆին
telfin

շնածուկ
shnatsug

սպիտակ արջ
sbidag arch

պանդա
banta

գորտ
kord

կենգուրու
genkuru

կռալ
goala

գայլ
kayl

գետածի
kedatsi

աղվես
aghves

ընծուղտ
ěntsughd

կարապ
garab

ագռավ
akrav

չղջիկ
ch'ghchig

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

պինգվին
binkvin

բու
pu

ճայ
jay

ճպուռ
jbur

թրթուր
t'rt'ur

թութակ
t'ut'ag

ծովաձի
dzovatsi

ուլթոտնուկ
ut'odnug

կաղամար
gaghamar

խեցգետին
khets'kedin

մեղուկա
metuza

փոկ
p'og

կոկորդիլոս
gogortilos

կրիա
gria

դինոզավր
tinozavr

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Ամերիկա
Ameriga

Ասիա
Asia

Եվրոպա
Evroba

Իսպանիա
Isbania

Միացյալ Թագավորություն
Miats'yal T'akavorut'yun

Աֆրիկա
Afriga

Ֆրանսիա
Fransia

Իտալիա
Idalia

Շվեյցարիա
Shveyts'aria

Սինգապուր
Sinkabur

Թաիլանդ
T'ailant

Գերմանիա
Kermania

Իսրայել
Israyel

Ճապոնիա
Jabonia

Ռուսաստան
Rusasdan

Ամերիկայի Միացյալ
Նահանգներ
Amerigayi Miats'yal Nahankner

Չինաստան
Ch'inasdan

Հնդկաստան
Hntgasdan

Չիլի
Ch'ili

Կանադա
Ganata

Մեքսիկա
Mek'siga

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Հարավային Աֆրիկա
Haravayin Afriga

Արգենտինա
Arkendina

Բրազիլիա
Prazilia

Լիբիա
Lipia

Մարոկկո
Maroggo

Նիգերիա
Nikeria

Եգիպտոս
Ekibdos

Ալժիր
Alzhir

Քենիա
K'enia

Ավստրալիա
Avsdralia

Նոր Չելանդիա
Nor Zelantia

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

մազ
maz

քիթ
k'it'

գլուխ
klukh

աչք
ach'k'

ականջ
aganch

բերան
peran

սիրտ
sird

ոտք
odk'

ծեղք
tserk'

հետույք
heduyk'

պարանոց
baranots'

ուղեղ
ughegh

ոտք
odk'

ծունկ
dzung

ուս
us

կուրծք
gurdzk'

որովայն
orovayn

բազուկ
pazug

լեզու
lezu

ատամ
adam

մեջք
mechk'

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

ոտնամատ
odnamad

մատ
mad

շրթունք
shrt'unk'

լյարդ
lyart

թոք
t'ok'

ստամոքս
sdamok's

աղիք
aghik'

երիկամ
erigam

նյարդ
nyart

այտ
ayd

կզակ
gzag

ճակատ
jagad

ճկույթ
jguyt'

բութ մատ
put' mad

մորուք
moruk'

ցուցամատ
ts'uts'amad

միջնամատ
michnamad

մատնեմատ
madnemad

ողնաշար
oghnashar

կրունկ
grung

ձեռքի մատի եղունգ
tserk'i madi eghunk

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

կմախք
gmakhkʻ

ոսկոր
osgor

մկան
mgan

միզապարկ
mizabarg

ող
ogh

կողոսկր
goghosgr

հեշտոց
heshdotsʻ

զարկերակ
zargerag

երակ
erag

ամործի
amortsi

առնանդամ
arnantam

սերմահեղուկ
sermnaheghug

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

սանհանգույց
sanhankuyts'

խոհանոց
khohanots'

դուռ
tur

այգի
ayki

ննչասենյակ
nnchasenyag

հյուրասենյակ
hyurasenyag

նկուղ
ngugh

պատ
bad

ավտոտնակ
avdodnag

տանիք
danik'

աստիճաններ
asdianner

զուգարան
zukanan

սուրճի բաժակ
surji pazhag

դանակ
tanag

պատուհան
baduhan

բաժակ
pazhag

ափսե
ap'se

բաժակ
pazhag

գրասեղան
kraseghan

թաս
t'as

աղբաման
aghpanan

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

ցնցուղ
ts'nts'ugh

հայելի
hayeli

մահճակալ
mahjagal

ժամացույց
zhamats'uyts'

նկար
ngar

բազմոց
pazmots'

հարևան
harevan

աթոռ
at'or

սեղան
seghan

ծեղնահարկ
tseghnaharg

պատշգամբ
badshkamp

վերելակ
verelag

Չինական փայտիկներ
Ch'inagan p'aydigner

փայտե գդալ
p'ayde ktal

ծխնելույզ
dzkhneluyz

պատառաքաղ
badaṛak'agh

գդալ
ktal

դանակ-պատառաքաղ
tanag-badaṛak'agh

թավա
t'ava

կաթսա
gat'sa

շերեփ
sherep'

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

վարագույր
varakuyr

գրապահարան
krabaharan

լամա
lamb

վերմակ
vermag

բարձ
parts

ներքևակ
nerk'nag

զգեստապահարան
zkesdabaharan

զգրոց
gzrots'

դարակ
tarag

կշեռք
gsheřk'

ավել
avel

դույլ
tuył

լոգանքի սրբիչ
lokank'i srpich'

լոգարան
lokaran

լվացքի զամբյուղ
lvats'k'i zampyugh

սրբիչ
srpich'

զուգարանի թուղթ
zukarani t'ught'

օճառ
ōjař

փոստարկղ
p'osdarggh

ձեռնասանդուղք
tsernasantughk'

լվացարան
lvats'aran

hàng rào



ցանկապատ
ts'angabad

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

կաթ
gat'

պանիր
banir

ծու
tsu

ոսկոր
osgor

միս
mis

ծուկ
tsug

շաքարավազ
shak'aravaz

հաց
hats'

ծեթ
tset'

տորթ
dort'

կոնֆետ
gonfed

շոկոլադ
shogolat

թեյ
t'ey

սուրճ
surj

ջուր
chur

աղցան
aghts'an

գինի
kini

գարեջուր
karechur

նախաճաշ
nakhajash

աղանդեր
aghanter

ապուր
abur

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

պիցցա
bits'ts'a

ճաշ
jash

լանջ
lanch'

յոգուրտ
yokurd

կարագ
garak

պաղպաղակ
baghbaghag

խոզապուխտ
khozabukhd

սաղմոն
saghmon

թունա
t'una

հնդկահավի միս
hntgahavi mis

նրբերշիկ
nrpershig

բեկոն
pegon

խոզի միս
khozi mis

տավարի միս
davari mis

հավի միս
havi mis

սունկ
sung

դդում
ttum

գառան միս
karan mis

պրաս
bras

սխտոր
skhdor

տրյուֆել
dryufel

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

քաղցր կարտոֆիլ
k'aghts'r gardofil

սմբուկ
smpug

կոճապղպեղ
gojabghbegh

չիլի պղպեղ
ch'ili bghbegh

վարունգ
varunk

գազար
kazar

կարտոֆիլ
gardofil

սոխ
sokh

պղպեղ
bghbegh

բրոկկոլի
proggoli

կաղամբ
gaghamp

ծաղկակաղամբ
dzaghgagaghamp

բամբուկ
pampug

սպանախ
sbanakh

հազար
hazar

ոլոռ
olor

նեխուր
nekhur

եգիպտացորեն
ekibdats'oren

խնձոր
khntsor

տանձ
dants

լոբի
lopi

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

արմավ
armav

թուզ
t'uz

ծիթապտուղ
tsit'abdugh

պնդուկ
bntug

նուշ
nush

կոկոս
gogos

մանգո
manko

բանան
panan

գետնանուշ
kednanush

արքայախնձոր
ark'ayakhntsor

ավոկադո
avogato

կիվի
givi

սեխ
sekh

խաղող
khaghogh

ծմերուկ
tsmerug

ելակ
elag

հապալաս
habalas

ազնվամորի
aznvamori

ծիրան
dziran

սալոր
salor

բալ
pal

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

թուրինջ
t'urinch

լիմոն
limon

դեղձ
teghts

անանուխ
ananukh

լոլիկ
lorig

նարինջ
narinch

վանիլին
vanilin

դարչին
tarch'in

կիտրոնախոտ
gidronakhod

կարրի
garri

պղպեղ
bghbegh

աղ
agh

քացախ
k'ats'akh

տոֆու
dofu

ծխախոտ
dzkhakhod

ալյուր
alyur

սոյայի կաթ
soyayi gat'

լապշա
labsha

ցորեն
ts'oren

վարսակ
varsag

բրինձ
prints

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

մեղր
meghr

ընկույզ
ēnguyz

սոյա
soya

նրբաբլիթ
nrpaplīt

մաստակ
masdag

ջեմ
chem

կեքս
gek's

պուդինգ
butink

թխվածքաբլիթ
t'khvadzk'aplit

նարնջի հյուլ
narnchi hyut

Էներգետիկ ըմպելիք
ēnerkedig ēmbelik

փքաբլիթ
p'k'aplit

կոկա-կոլա
goga-gola

կաթնային կոկտեյլ
gat'nayin gogdeyl

խնձորի հյուլ
khntsori hyut

ռոմ
rom

կոկտեյլ
gogdeyl

տաք շոկոլադ
dak' shogolat

ճաշացուցակ
jashats'uts'ag

օղի
ōghi

վիսկի
visgi

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

սուշի
sushi

սպագետի
sbakedi

ծովամթերք
dzovamt'erk'

հավի թևիկներ
havi t'evigner

չիփսեր
ch'ip'ser

պոպկորն
bobgorn

մայոնեզ
mayonez

մանանեխ
mananekh

կարտոֆիլ ֆրի
gardofil fri

հոթ դոգ
hot' tok

սենդվիչ
sentvich'

տոմատի մածուկ
domadi madzug

բուրգեր
purker

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

տնային աշխատանք
dnayin ashkhadank'

գրադարան
krataran

գիրք
kirk'

գիտություն
kidut'yun

դաս
tas

քննություն
k'nnut'yun

գրիչ
krich'

արվեստ
arvesd

պատմություն
badmut'yun

երկրորդ
ergort

առաջին
arachin

մատիտ
madid

հետազոտություն
hedazodut'yun

չորրորդ
ch'orrot

երրորդ
errort

բառարան
pararan

մարզահրապարակ
marzahrabarag

դիպլոմ
tiblom

երկրաչափություն
ergrach'ap'ut'yun

նոթատետր
not'adedr

կիսամյակ
gisamyag

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

տնտեսագիտություն
dndesakidut'yun

փիլիսոփայություն
p'ilisop'ayut'yun

քաղաքականություն
k'aghak'aganut'yun

մաթեմատիկա
mat'emadiga

կենսաբանություն
gensapanut'yun

ֆիզիկական կրթություն
fizigagan grt'ut'yun

քիմիա
k'imia

գրականություն
kraganut'yun

աշխարհագրություն
ashkharhakrut'yun

ռեդին
redin

քանոն
k'anon

ֆիզիկա
fiziga

սոսինձ
sosints

կաջուն ժապավեն
gbch'un zhabaven

մկրատ
mgrad

երեք տոկոս
erek' dogos

սեղմակ
seghmag

գնդիկավոր գրիչ
kntigavor krich'

խորանարդ մետր
khoranart medr

զրո տոկոս
zro dogos

հարյուր տոկոս
haryur dogos

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

մետր
medr

մղոն
mghon

քառակուսի մետր
k'aragusi medr

դեցիմետր
tets'imedr

սանտիմետր
sandimetr

միլիմետր
milimetr

բազմապատկում
pazmabadgum

հանում
hanum

գումարում
kumarum

ծավալ
dzaval

տարածք
daradz'k

բաժանում
pazhanum

եռանկյուն
erangyun

քառակուսի
k'aragusi

ուղղանկյուն
ughghangyun

միլիլիտր
mililidr

լիտր
lidr

շրջան
shrchan

գրամ
kram

կիլոգրամ
gilokram

տոննա
donna

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

ծագար
tsakar

մանրադիտակ
manratidag

մագնիս
maknis

դասախոսություն
tasakhosut'yun

լաբորատորիա
laporadoria

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

ադամանդ
atamant

կրակ
grag

մոխիր
mokhir

աստղ
asdgh

արեգակ
arekag

լուսին
lusin

լիճ
lij

ափ
ap'

մոլորակ
molorag

բլուր
plur

անապատ
anabad

անտառ
andar

հովիտ
hovid

գետ
ked

ժայռ
zhayr

օվկիանոս
ōvgianos

կղզի
gghzi

սար
sar

ծյուն
tsyun

սառույց
saruyts'

ծով
dzov

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

քամի
k'ami

անծրև
antsrev

փոթորիկ
p'ot'orig

վարդ
vart

խոտ
khod

ծառ
dzaɾ

հող
hogh

մետաղ
medagh

ծաղիկ
dzaghig

ավազ
avaz

ածուխ
adzukh

լավա
lava

արբանյակ
arpanyag

հրթիռ
hrt'ir

կավ
gav

աշխարհամաս
ashkharhamas

աստերոիդ
asderoit

գալակտիկա
kalagdiga

Հյուսիսային բևեռ
Hyusisayin pever

Հարավային բևեռ
Haravayin pever

հասարակած
hasaragadz

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

քարանձավ
k'arantsav

արևադարձային
անտառ
arevatartsayin andar

հոսք
hosk'

սառցադաշտ
saṙts'atashd

ծովափ
dzovap'

ջրվեժ
chrvezh

հրաբուխ
hrapukh

խառնարան
kharṇaran

երկրաշարժ
ergrasharzh

մառախուղ
maṙakhugh

ջրհեղեղ
chrheghegh

մթնոլորտ
mt'nolord

կայծակ
gaydzag

որոտ
orod

ծիածան
dziadzan

թայֆուն
t'ayfun

ջերմաստիճան
chermasdijan

ամպրոպ
ambrob

ճյուղ
jyugh

ամպ
amb

մրրիկ
mrrig

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

կոճղ
gojgh

արմատ
armad

տերեւ
derew

ածխաթթու գազ
adzkat't'u kaz

պլաստիկ
blasdig

սերմ
serm

թթվածին
t't'vadin

երկաթ
ergat'

ատոմ
adom

արծաթ
ardzat'

ոսկի
osgi

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

գնացք
knats'k'

ավտոբուս
avdopus

մեքենա
mek'ena

ինքնաթիռ
ink'nat'ir

կանգառ
gankař

կայարան
gayaran

հեծանիվ
hedzaniv

բեռնատար
peřnadar

նավ
nav

լուսացույց
lusats'uyts'

տաքսի
dak'si

մոտոցիկլետ
modots'igled

մարտկոց
mardgots'

ճանապարհ
janabarh

ավտոկայան
avdogayan

ղեկ
gheg

անվտանգության բարձիկ
anvdankut'yan partsig

շարժիչ
sharzhich'

հետևի բեռնախցիկ
hedevi peřnakhts'ig

անվադող
anvatogh

ամրագոտի
amrakodi

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

մետրո
medro

տոմսարկղ
domsarggh

տոմսերի վաճառքի
մեքենա
domseri vajark'i mek'ena

տրամվայ
dramvay

շոգեքարշ
shokek'arsh

արագընթաց գնացք
arakent'ats' knats'k'

օդանավակայան
otnavagayan

միկրոավտոբուս
migoavdopus

դպրոցական ավտոբուս
tbrots'agan avdopus

առաջին դաս
arachin tas

ուղղաթիռ
ughghat'ir

ավիաընկերություն
aviaengerut'yun

փրկարարական բաճկոն
p'rgararagan pajgon

քիզնես դաս
piznes tas

Էկոնոմ դաս
egonom tas

զբոսանավ
zposanav

սուզանավ
suzanav

կոնտեյներ
gondeyner

լաստանավ
lasdanav

յախտա
yakhda

կոնտեյներային նավ
gondeynerayin nav

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

ռադար
řatar

փրկարար նավակ
p'rgarar navag

նավահանգիստ
navahankisd

բենզալցակայան
penzalts'agayan

մայր՞
mayt'

փողոցային լույս
p'oghots'ayin luyt

խցանում
khts'anum

հետիոտնային անցում
hediodnayin ants'um

շինհրապարակ
shinhrabarag

Էքսկավատոր
ĕk'sgavador

տանկ
dang

մայրուղի
mayrughi

սկուտեր
sguder

կցասայլ
gts'asayl

տրակտոր
dragdor

ճոպանուղի
jobanughi

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

տուն
dun

դպրոց
tbrots‘

հիվանդանոց
hivantanots‘

սուպերմարկետ
subermarged

շուկա
shuga

հաշիվ
hashiv

ագարակ
akarag

համալսարան
hamalsaran

քնակարան
pnagaran

բար
par

ռեստորան
resdoran

եկեղեցի
egeghets‘i

զուգարան
zukaran

այգի
ayki

մարգասրահ
marzasrah

ոստիկանություն
osdiganut‘yun

շտապօգնություն
shdabōknut‘yun

քարտեզ
k‘ardez

արվարձան
arvartsan

երկիր
ergir

հրշեջներ
hrshechner

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

առևտրի կենտրոն
ařevdri gendron

երաշխիք
erashkhik'

գյուղ
kyugh

ամրոց
amrots'

երկնաքեր
ernak'er

դեղատուն
teghadun

տաճար
dajar

սինագոգ
sinakok

դեսպանատուն
tesbanadun

քաղաքապետարան
k'aghak'abedaran

մզկիթ
mzgit'

գործարան
kordzaran

գիշերային ակումբ
kisherayin agump

շատրվան
shadvan

փոստային բաժանմունք
p'osdayin pazhanmunk'

ֆուտբոլի մարզադաշտ
fudpoli marzatashd

գոլֆի դաշտ
kolfi tashd

նստարան
nsdaran

գբոսաշրջային
տեղեկատվություն
zposashrchayin deghegadvt'yun

թենիսի խաղադաշտ
t'enisi khaghatashd

լողավազան
loghavazan

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồng cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

թանգարան
t'ankaran

արվեստի
պատկերասրահ
arvesdi badgerasrah

խաղատուն
khaghadun

ակվարիում
agvarium

հուշանվեր
hushanver

ազգային պարկ
azkayin barg

ջրաշխարհ
chrashkharh

ամերիկյան բլուրներ
amerigyan plurner

ջրային բլուր
chrayin plur

վթարային ելք
vt'arayin elk'

խաղահրապարակ
khaghahrabarag

կենդանաբանական այգի
gentanapanagan ayki

ոստիկանական
բաժանմունք
osdiganagan pazhanmunk'

կրակմարիչ
gragmarich'

հրդեհի տագնապ
hrtehi daknab

մայրաքաղաք
mayrak'aghak'

երկրամաս
ergramas

նահանգ
nahank

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

վիրահատություն
virahadut'yun

հիվանդ
hivant

դժբախտ պատահար
tzhpakhd badahar

հազ
haz

ջերմություն
chermut'yun

հաբ
hap

սպասասրահ
sbasasrah

ինտենսիվ թերապիայի
բաժանմունք
indensiv t'erabiayi pazhanmunk'

շտապ օգնության
սենյակ
shdab òknut'yan senyag

պիտանելիության ժամկետ
bidaneliut'yan zhamged

քնաբեր
k'naper

ասպիրին
asbirin

կողմնակի ազդեցություն
goghmnagi aztets'ut'yun

օշարակ հազի դեմ
òsharag hazi tem

դեղաչափ
teghach'ap'

պատիճ
badij

փոշի
p'oshi

ինսուլին
insulin

հակաբիոտիկներ
hagapiodigner

ցավազրկող
ts'avazrgogh

վիտամին
vidamin

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

սրտի կաթված
srdi gat'vadz

վիրուս
virus

մանրէ
manrē

կաթված
gat'vadz

շաքարային դիաբետ
shak'arain tiaped

փորլուծություն
p'orludzut'yun

գրիպ
krib

քաղցկեղ
k'aghts'gegh

ասթմա
ast'ma

կոկորդի ցավ
gogorti ts'av

արևայրուք
arevayruk'

ատամի ցավ
adami ts'av

ալերգիա
alerkia

վարակ
varag

փորացավ
p'orats'av

ներարկիչ
nerargich'

գլխացավ
klkhats'av

սպազմ
sbazm

ուլտրաձայնային սարք
uldratsaynayin sark'

ռենտգեն
rendken

հենակ
henag

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

գիփս
kip's

հաշմանդամի սայլակ
hashmantami saylag

սպեղանի
sbeghani

արտակարգ իրավիճակ
ardagark iravijag

վնասվածք
vnasvadzk'

պուլս
puls

կոտրվածք
godrvadzk'

այրվածք
ayrvadzk'

ցնցում
ts'nts'um

հղիության թեստ
hghiut'yan t'esd

հակաբեղմնավորիչ հաբ
hagapeghmnavorich' hap

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

ոստիկան
osdigan

բռնժքույր
puzhk'uyr

բժիշկ
pzhishg

խուզարկու
khuzargu

կապիտան
gabidan

նախագահ
nakhakah

ուսուցիչ
usuts'ich'

պրոֆեսոր
profesor

օդաչու
ōtach'u

օգնական
ōknagan

քարտուղարուհի
k'ardugharuhi

իրավաբան
iravapan

խոհարար
khoharar

մենեջեր
menecher

դատավոր
tadavor

մոդել
motel

ավտոբուսի վարորդ
avdopusi varort

տաքսու վարորդ
dak'su varort

դեղագործ
teghakordz

վարչապետ
varch'abed

նկարիչ
ngarich'

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

ծեռնարկատեր
tseṙnargader

ատամնաբույժ
adamnapuyzh

հրշեջ
hrshech

բորտուղեցորդուհի
pordughegts'ortuhi

ծրագրավորող
dzrakravorogh

քաղաքական գործիչ
k'aghak'agan kordzich'

ճարտարապետ
jardarabed

մանկապարտեզի
դաստիարակչուհի
mangabardezi tasdiaragch'uhi

գիտնական
kidnagan

դատախազ
tadakhaz

խորհրդատու
khorhrtadu

հաշվապահ
hashvabah

բնակարանատեր
pnagaranader

թիկնապահ
t'ignabah

գլխավոր մենեջեր
klkhavor menecher

զինվոր
zinvor

անվտանգության աշխատակից
anvdankut'yan ashkhadagits'

մատուցող
maduts'ogh

ջրմուղագործ
chrmughakordz

հավաքարար
havak'arar

ձկնորս
tsgnors

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

ընդունարանի
աշխատակից
ěntunarani ashkhadagits‘

ֆերմեր
fermer

Էլեկտրիկ
ēlegdrig

վարսահարդար
varsahartar

գանձապահ
kantsabah

փոստատար
p‘osdadar

լուսանկարիչ
lusangarich‘

լրագրող
lrakrogh

հեղինակ
heghinag

երաժիշտ
erazhishd

երգիչ
erkich‘

փրկարար
p‘rgarar

մարզիչ
marzich‘

թղթակից
t‘ght‘agits‘

դերասան
terasan

մրցավար
mrts‘avar

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

սթրես
st'res

օֆիս
ōfis

փող
p'ogh

բաժին
pazhin

անձնակազմ
antsnagazm

ապահովագրություն
abahovakrut'yun

նամակ
namag

հասցե
hasts'e

աշխատավարձ
ashkhadavarts

Էլ. փոստի հասցե
ēl. p'osdi hasts'e

url
url

հեռախոսահամար
heṛakhosahamar

ստորագրություն
sdorakrut'yun

Էլ. փոստ
ēl. p'osd

վեբ կայք
vep gayk'

հաճախորդ
hajakhort

շահույթ
shahuyt'

կորուստ
gorusd

գաղտնաբառ
kaghdnapaṛ

կրեդիտ քարտ
gretid k'ard

գումար
kumar

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

հանդիպման սենյակ
hantibman senyag

հարկ
harg

բանկոմատ
pangomad

մարդկային ռեսուրսներ
martgayin resursner

SS
DD

բիզնես քարտ
piznes k'ard

մարքեթինգ
mark'et'ink

հաշվապահություն
hashvabahut'yun

իրավաբանական բաժին
iravapanagan pazhin

գործատու
kordzadu

կոլեգա
goleka

վաճառք
vajaŕk'

ներկայացում
nergayats'um

նշում
nshum

աշխատող
ashkhadogh

պրոյեկտոր
broyegdor

ռեդինե կնիք
redine gnik'

թղթապանակ
t'ght'abanag

ծրար
dzrar

դրոշմանիշ
troshmanish

ծանրոց
dzanrots'

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

ֆոնդային բորսա
fontayin porsa

ներդրում
nertrum

բրաուզեր
prauzer

տոկոս
dogos

մետաղադրամ
medaghatram

թղթադրամ
t'ght'atram

բանկային հաշիվ
pangayin hashiv

հաշվեհամար
hashvehamar

վարկ
varg

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

ֆոտոխցիկ
fodokhts'ig

հեռուստացույց
heṙusdats'uyts'

հեռախոս
heṙakhos

օդորակիչ
ōtoragich'

հովհարիչ
hovharich'

ռադիո
ṙatio

փոշեկուլ
p'oshegul

տոստեր
dosder

սուրճի ապարատ
surji abarad

սպասք լվացող մեքենա
sbask' lvats'ogh mek'ena

թելիկ
t'eynig

վարսահարդարիչ
varsahartarich'

միկրոալիքային վառարան
migroalik'ayin vaṙaran

վառարան
vaṙaran

կաթսա
gat'sa

հեռակառավարման վահանակ
heṙagaṙavarmān vahanag

լվացքի մեքենա
lvats'k'i mek'ena

սառնարան
saṙnaran

ստեղնաշար
sdeghnashar

մկնիկ
mgnig

ականջակալ
aganchagal

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

սկաներ
sganer

USB կրիչ
USB grich'

կոշտ սկավառակ
goshd sgavayag

դյուրակիր համակարգիչ
tyuragir hamagarkich'

Էկրան
ēgran

տպիչ
dbich'

բարձրախոս
partsrahos

ռոբոտ
ropod